

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 04/2022/HSPT
Ngày 18 - 01 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
Ông Lưu Toàn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thanh H do có kháng cáo của bị cáo Trần Thanh H và của bị hại là bà Trần Thị H3 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Thái Bình.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Thanh H, sinh ngày 11/4/2004 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 10/12; con ông Trần Trọng H1 và bà Trần Thị H2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: ông Trần Trọng H1 sinh năm 1977; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình - là bố đẻ bị cáo. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh H: ông Nguyễn Tiến S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Đại diện Đoàn thanh niên xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình: ông Trần Quốc V sinh năm 1992 – Bí thư Đoàn thanh niên xã V. (có mặt)

- Bị hại: bà Trần Thị H3 sinh năm 1968 và ông Trần Văn T sinh năm 1960; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Trần Thị H3 sinh năm 1968 sinh năm 1960; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Trong vụ án còn có bị cáo Trần T1 sinh ngày 09/9/2003 địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình do không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần T1 là cháu ruột của bị hại là ông Trần Văn T và bà Trần Thị H3. Do nhà T1 đang xây phải ở nhờ nhà anh Trần Văn Trình ở cùng thôn; thỉnh thoảng T1 sang tắm nhờ nhà ông T nên biết được thời gian đi lễ của gia đình ông T là: hàng ngày vào lúc 19 giờ 30 phút, vợ chồng ông T đi lễ tại Nhà thờ Đ1, thuộc xã V, huyện V1, không có ai ở nhà, cửa ngách không chốt; từ đó T1 nảy sinh ý định trộm cắp tiền của gia đình ông T.

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01/2021 đến ngày 25/01/2021, T1 cùng Trần Thanh H và Trần Văn K sinh ngày 20/5/2006, địa chỉ: thôn V3, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình nhiều lần trộm cắp tài sản của gia đình ông T, bà H3; cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 01/2021, T1, H và K gặp nhau ở quán bi - a nhà anh Trần Văn L ở thôn Đ, xã V. T1 rủ H và K đi trộm cắp tiền nhà ông T thì H và K đồng ý. T1 đi xe máy điện chở H, K đến nhà anh Trình đợi. Khoảng 19 giờ 30 phút, biết là vợ chồng ông T đã đi lễ, T1 dẫn H và K đi bộ sang nhà ông T. T1 đẩy cửa ngách dẫn H và K vào gian phòng khách, cả ba lục tìm nhưng không thấy tiền, K phát hiện 01 chùm chìa khoá ở sau tivi, K mở cửa buồng phòng ngủ. Cả ba đi vào gian phòng ngủ lục tìm, T1 bật đèn flash điện thoại của mình soi tìm thì K tìm thấy 01 chìa khoá ở giá sách, cùng lúc H lục được ở túi quần treo trên mắc có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, H cầm tiền đút vào túi quần. K cầm chìa khoá mở tủ thì mở được cánh tủ bên trái; T1, K soi đèn flash điện thoại thì thấy trong tủ có ba buộc tiền mệnh giá 200.000 đồng và một số tờ mệnh giá 100.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng. H và K ngồi xuống rút tiền. Khi đang rút thì T1 nói: “Rút thế thôi” thì H và K dừng lại. H bảo T1 ra ngoài trông coi thì H và K đếm được 11 tờ mệnh giá 200.000 đồng, tổng là 2.200.000 đồng nhưng bàn nhau nói dối T1 là chỉ rút được 1.400.000 đồng. Sau đó K khoá tủ, khoá cửa buồng, để chìa khoá vào vị trí cũ rồi đi về. Khi về đến gian buồng của T1 ở nhà ông Trình, H chỉ bỏ 07 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng ra đếm và bảo T1 số tiền lấy được là 1.500.000 đồng. Sợ H giấu tiền nên T1 có kiểm tra túi áo bên ngoài của H nhưng không thấy. Cả ba thống nhất chia nhau, mỗi người 500.000 đồng. Thực tế thì H đã giấu 800.000 đồng vào túi áo bên trong, H và K chia nhau, mỗi người được thêm 400.000 đồng nữa.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 03 ngày thì H rủ T1 đi trộm cắp tiền nhà ông T. T1 nói với H: “Lần này lấy ba triệu thôi”, H đồng ý. T1 và H chờ đến khoảng 19 giờ 30 phút, sau khi gia đình ông T đi lễ thì T1 và H đi bộ sang nhà ông T. Như lần trước, T1 và H vào nhà bằng lối cửa ngách, H đeo găng tay lấy chìa khoá ở vị trí cũ, T1 soi đèn flash ở điện thoại cho H mở cửa buồng ngủ, mở tủ. H rút được 15 tờ mệnh giá 200.000 đồng, tổng là 3.000.000 đồng đưa cho T1 cầm rồi

bảo T1 ra ngoài coi đề H khoá tủ. Khi T1 ra ngoài thì H rút thêm 25 tờ mệnh giá 200.000 đồng bằng 5.000.000 đồng. Sau đó H khoá tủ, khoá cửa buồng rồi cùng T1 đi về theo lối cửa ngách. Sau khi trộm cắp xong, H vứt găng tay tại thùng rác, về nhà ông Trình chia tiền. T1 và H thống nhất chia nhau số tiền 3.000.000 đồng, trong đó H được chia 1.600.000 đồng, T1 được chia 1.400.000 đồng. Số tiền 5.000.000 đồng H rút thêm H không nói cho T1 biết và không chia cho T1.

Lần thứ ba: Ngày 14/01/2021, H rủ T1 trộm cắp tiền nhà ông T, lúc đầu T1 không đồng ý. H nói: “Chỉ lấy 600.000 đồng thôi” thì T1 đồng ý. H và T1 thực hiện hành vi như những lần trước. Khi vào vị trí để tiền, H rút 03 tờ mệnh giá 200.000 đồng bằng 600.000 đồng đưa cho T1 cầm và bảo T1 ra ngoài để H khoá tủ, khoá cửa. Khi T1 ra ngoài, H rút thêm 25 tờ mệnh giá 200.000 đồng bằng 5.000.000 đồng. Sau đó cả hai đi về phòng ngủ của T1 ở nhà ông Trình chia tiền, T1 cầm tờ 200.000 đồng, còn H cầm 400.000 đồng. Thực tế, H trộm cắp thêm số tiền 5.000.000 đồng nhưng không nói cho T1 biết và không chia cho T1.

Lần thứ tư: Ngày 25/01/2021, H rủ T1 đi trộm tiền nhà ông T, T1 đồng ý. Khi H và T1 vào phòng ngủ nhà ông T thì thấy có két sắt mới. H lấy chìa khóa ở giá sách mở tủ gỗ, T1 soi đèn flash thì thấy hai tờ mệnh giá 100.000 đồng. H và T1 chưa kịp lấy tiền thì bị bà Trần Thị H3 là vợ ông T phát hiện. H bỏ chạy được ra ngoài, còn T1 bị bà H3 giữ lại rồi trình ông báo Công an xã V.

Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh H và Trần T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 12, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 91 Điều 98 Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thanh H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Thanh H.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 12, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần T1 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2021.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/10/2021, bị cáo Trần Thanh H và ông Trần Trọng H1 nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo cho bị cáo; bà Trần Thị H3 nộp đơn kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H, ông H1 và bà H3 vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; bị cáo trình bày: do bị cáo suy nghĩ nông nổi nên khi T1 rủ bị cáo đi trộm cắp tiền của gia đình ông T là bác ruột của T1, bị cáo đã đồng ý. Số tiền trộm cắp được, bị cáo đã mua quần áo và chi tiêu cá nhân hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh H, người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Trần Trọng H1 và bị hại là bà Trần Thị H3, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện V1 theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng chuyển biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Trần Thanh H không có ý kiến gì về luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh, điều luật truy tố cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Thanh H như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình. Bị cáo H có nhân thân tốt; bị cáo sinh ra ở nông thôn, trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự quan tâm sát sao của bố mẹ, khi phạm tội bị cáo ở độ tuổi vị thành niên, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo thực hiện được việc trộm cắp tài sản cũng một phần do bị hại lơ là, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa, trở thành công dân tốt.

Ông Trần Trọng H1 ý kiến: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, lại sinh nhiều con nên việc quản lý, giáo dục con cái không được chặt chẽ nên dẫn đến việc H đua đòi theo bạn bè trộm cắp tiền của gia đình ông T để mua quần áo. Sau khi sự việc xảy ra, H đã nhận ra lỗi lầm, đã chăm chỉ phụ giúp bố mẹ; gia đình ông đã xin lỗi và bồi thường toàn bộ số tiền H trộm cắp cho gia đình ông T, bà H3. Đây là lần đầu tiên H vi phạm pháp luật nên ông đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo, gia đình ông có trách nhiệm quản lý, giáo dục H.

Ông Trần Quốc V – Bí thư Đoàn thanh niên xã V ý kiến: Bị cáo H sinh ra trong gia đình theo đạo Thiên Chúa giáo, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, hiểu biết xã hội cũng hạn chế. Bản thân trước khi phạm tội vẫn tích cực tham gia mọi phong trào của địa phương, không có vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho H được cải tạo tại địa phương vì bị cáo chưa thành niên và đây là lần đầu bị cáo phạm tội; địa phương sẽ kết hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục H.

Bà Trần Thị H3 ý kiến: Do gia đình bà cũng sơ suất trong việc quản lý tài sản, tôi nào cũng đi lễ nhưng không khóa cửa nên T1 là cháu ruột của ông Toàn đã rủ bạn là H vào nhà bà trộm cắp tiền của vợ chồng bà để trong tủ nhiều lần mà gia đình không biết; đến khi bà bắt được quả tang thì T1 và H khai là các bị cáo vào nhà bà lấy tiền lần này là lần thứ tư. Bà nghĩ là T1 và H đều trẻ người non dạ, hiểu

biết pháp luật hạn chế, bố mẹ H cùng bố mẹ T1 đã bồi thường toàn bộ tiền cho vợ chồng bà nên đề nghị Hội đồng xét xử cho H hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, bị cáo còn ít tuổi, suy nghĩ còn nông nổi; kính mong Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01/2021 đến ngày 25/01/2021, Trần T1, sinh ngày 09/9/2003 cùng Trần Thanh H, sinh ngày 11/4/2004 đã nhiều lần rủ nhau trộm cắp tiền của gia đình ông Trần Văn T ở thôn Đ, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình, với tổng số tiền 15.900.000 đồng. Trong đó:

- Lần thứ nhất: vào đầu tháng 01/2021 (không xác định được ngày), T1 rủ H và K trộm cắp được số tiền 2.300.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 01/2021(không xác định được ngày), H rủ T1 và thống nhất với nhau chỉ trộm cắp 3.000.000 đồng và đã cùng nhau thực hiện xong. Ngoài ra, H còn lấy thêm 5.000.000 đồng nữa, T1 không biết, không được hưởng lợi.

- Lần thứ ba: Ngày 14/01/2021, H rủ T1 và thống nhất với nhau chỉ trộm cắp 600.000 đồng và đã cùng nhau thực hiện xong. Ngoài ra, H còn lấy thêm 5.000.000 đồng nữa, T1 không biết.

- Lần thứ tư: Ngày 25/01/2021, H rủ T1 đi trộm cắp tiền nhưng chưa lấy được tiền thì bị bà H3 vợ ông T phát hiện.

Theo quy định Điều 12, Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì K không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; còn H và T1 đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm hình sự với các hành vi cụ thể sau:

- Đối với hành vi trộm cắp ở lần thứ nhất, T1 và H cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản với số tiền trộm cắp là 2.300.000 đồng.

- Đối với hành vi trộm cắp ở lần thứ hai, T1 phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền trộm cắp là 3.000.000 đồng, còn H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản với tổng số tiền trộm cắp là 8.000.000 đồng.

- Đối với hành vi trộm cắp ở lần thứ ba, do số tiền T1 thống nhất ý chí cùng H trộm cắp là 600.000 đồng (giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng) và không thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên T1 không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản; còn H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản tổng số tiền trộm cắp là 5.600.000 đồng.

Đối với hành vi trộm cắp ở lần thứ 4, H và T1 phạm tội chưa đạt nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản.

Như vậy, tổng số tiền mà Trần Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản là 15.900.000 đồng; tổng số tiền mà Trần T1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản là 5.300.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Thanh H và Trần T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thanh H thấy:

Tính đến thời điểm bị cáo phạm tội bị cáo Trần Thanh H mới 16 tuổi 09 tháng 14 ngày, bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải*” và còn được gia đình bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo - đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo mức án 09 tháng tù là quá nghiêm khắc, chưa đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi được quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điểm e, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh H, người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Trần Trọng H1 và người bị hại là bà Trần Thị H3, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện V1 theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng chuyển biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp với quy định của Điều 91 Bộ luật Hình sự, đảm bảo lợi ích tốt nhất của bị cáo và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo H, ông H1 và bà H3 được chấp nhận, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định phình phạt đối với bị cáo nên căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban nhân dân ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo H, ông H1, bà H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 56/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Thái Bình về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh H. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Thanh H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 18/01/2022 về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Giao bị cáo Trần Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thanh H, ông Trần Trọng H1 và bà Trần Thị H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 18/01/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA, THADS h.V1, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V, h.V1.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh

